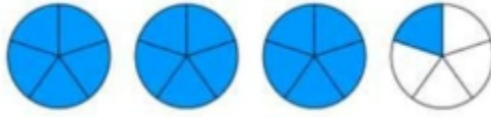


HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 3

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hỗn số thích hợp biểu diễn số phần hình tròn được tô màu là:



A. $3\frac{1}{4}$

B. $3\frac{1}{5}$

C. $4\frac{1}{5}$

D. $3\frac{4}{5}$

Phương pháp

Quan sát hình vẽ để tìm hỗn số thích hợp.

Lời giải

Hỗn số thích hợp biểu diễn số phần hình tròn được tô màu là: $3\frac{1}{5}$

Đáp án: B

Câu 2. Một vườn cây có 200 cây trong đó có 83 cây lấy gỗ, còn lại là cây ăn quả. Tỉ số của số cây ăn quả và số cây lấy gỗ là:

A. $\frac{83}{200}$

B. $\frac{117}{200}$

C. $\frac{83}{117}$

D. $\frac{117}{83}$

Phương pháp

- Tìm số cây ăn quả = Số cây trong vườn – số cây lấy gỗ

- Tỉ số của hai số a và b viết là $\frac{a}{b}$ (b khác 0)

Lời giải

Số cây ăn quả là: $200 - 83 = 117$ (cây)

Tỉ số của số cây ăn quả và số cây lấy gỗ là: $\frac{117}{83}$

Đáp án: D

Câu 3. Quãng đường từ Hà Nội đến Nghệ An dài 330 km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2 000 000, quãng đường đó dài:

A. 33 mm

B. 33 cm

C. 165 mm

D. 66 mm

Phương pháp

- Đổi 330 km sang đơn vị mm

- Quãng đường trên bản đồ = quãng đường thực tế : 2 000 000

Lời giải

Đổi: $330 \text{ km} = 330\,000\,000 \text{ mm}$

Trên bản đồ tỉ lệ $1 : 2\,000\,000$, quãng đường đó dài:

$$330\,000\,000 : 2\,000\,000 = 165 \text{ (mm)}$$

Đáp án: C

Câu 4. Chữ số 6 trong số thập phân 105,026 thuộc hàng:

- A. Hàng đơn vị B. Hàng phần mười C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 6 trong số thập phân đã cho

Lời giải

Chữ số 6 trong số 105,026 thuộc hàng phần nghìn.

Đáp án: D

Câu 5. Cứ phơi 20 kg hạt cà phê tươi thu được 5 kg hạt cà phê khô. Hỏi phơi 380 kg hạt cà phê tươi thì thu được bao nhiêu ki-lô-gam hạt cà phê khô?

- A. 76 kg B. 95 kg C. 100 kg D. 87 kg

Phương pháp

Giải bài toán theo phương pháp tìm tỉ số hoặc rút về đơn vị.

Lời giải

380 kg gấp 20 kg số hạt là: $380 : 20 = 19$ (lần)

Phơi 380 kg hạt cà phê tươi thì thu được số ki-lô-gam hạt cà phê khô là:

$$5 \times 19 = 95 \text{ (kg)}$$

Đáp số: B

Câu 6. Một cửa hàng có số bao ngô ít hơn số bao gạo là 360 bao. Tính số bao mỗi loại. Biết rằng số bao ngô bằng $\frac{1}{6}$ số bao gạo.

- A. Ngô: 62 bao, gạo 372 bao B. Ngô: 82 bao, gạo: 432 bao
C. Ngô: 72 bao, gạo 432 bao D. Ngô: 70 bao, gạo 430 bao

Phương pháp

- Tìm hiệu số phần bằng nhau
- Tìm giá trị của 1 phần hay số bao ngô
- Tìm số bao gạo = Số bao ngô + 360 bao

Lời giải

Hiệu số phần bằng nhau là: $6 - 1 = 5$ (phần)

Giá trị của 1 phần hay số bao ngô là: $360 : 5 = 72$ (bao)

Số bao gạo là: $72 + 360 = 432$ (bao)

Đáp án: C**II. TỰ LUẬN****Câu 1**

a) Viết các số 402,56 ; 402,6 ; 400,98 ; 402,07 theo thứ tự từ lớn đến bé.

b) Số 100,281 làm tròn đến hàng phần mười được số:

Phương pháp

a) So sánh rồi sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé

b) Khi làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, ta so sánh chữ số ở hàng phần trăm với 5. Nếu chữ số hàng phần trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Lời giải

a) Các số viết theo thứ tự từ lớn đến bé là: 402,6 ; 402,56 ; 402,07 ; 400,98

b) Số 100,281 làm tròn đến hàng phần mười được số: **100,3****Câu 2.** Tính giá trị của biểu thức.

$$1\frac{1}{4} \times \left(\frac{13}{14} - \frac{3}{7} \right) \qquad 1\frac{2}{3} + \frac{5}{8} : \frac{7}{2}$$

Phương pháp

Chuyển hỗn số về phân số rồi thực hiện phép tính

Lời giải

$$1\frac{1}{4} \times \left(\frac{13}{14} - \frac{3}{7} \right) = \frac{5}{4} \times \left(\frac{13}{14} - \frac{6}{14} \right) = \frac{5}{4} \times \frac{1}{2} = \frac{5}{8}$$

$$1\frac{2}{3} + \frac{5}{8} : \frac{7}{2} = \frac{10}{7} + \frac{5}{8} \times \frac{2}{7} = \frac{10}{7} + \frac{5}{28} = \frac{40}{28} + \frac{5}{28} = \frac{45}{28}$$

Câu 3. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

5 l 35 ml = l

14 cm² 6 mm² = cm²

382 mm² = dm²

36 km² 50 ha = km²

Phương pháp

$$\text{Áp dụng cách đổi: } 1 \text{ ml} = \frac{1}{1000} \text{ l}; 1 \text{ mm}^2 = \frac{1}{100} \text{ cm}^2$$

$$1 \text{ mm}^2 = \frac{1}{10000} \text{ dm}^2; 1 \text{ ha} = \frac{1}{100} \text{ km}^2$$

Lời giải

5 l 35 ml = **5,035 l**

14 cm² 6 mm² = **14,06 cm²**

382 mm² = **0,0382 dm²**

36 km² 50 ha = **36,5 km²**

Câu 4. Hiện nay, tuổi ông gấp 7 lần tuổi cháu. Biết cách đây 4 năm, tổng số tuổi của ông và cháu là 64 tuổi. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

Phương pháp

- Tìm tổng số tuổi của hai ông cháu hiện nay
- Vẽ sơ đồ
- Tìm tổng số phần bằng nhau
- Tìm giá trị 1 phần hay tuổi cháu
- Tìm tuổi ông hiện nay

Lời giải

Tổng số tuổi của hai ông cháu hiện nay là:

$$64 + 4 + 4 = 72 \text{ (tuổi)}$$

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 7 = 8 \text{ (phần)}$$

Giá trị của 1 phần hay tuổi cháu hiện nay là:

$$72 : 8 = 9 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi ông hiện nay là:

$$72 - 9 = 63 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Cháu: 9 tuổi

Ông: 63 tuổi